

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 09-7-2020

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung, chia tài sản chung
trong hôn nhân.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

Các thẩm phán:

1. Ông Trần Quốc Vũ;
2. Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLPT- HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung trong hôn nhân”.

Do Bản án sơ thẩm hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXX-PT ngày 02 tháng 6 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị Mộng T, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn K, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng TMCP S; địa chỉ trụ sở: Số 166 – 268 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng S, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Ông Nguyễn Hồng S ủy quyền cho anh Cao Hiền Trí P, sinh năm 1972; chức vụ: Chuyên viên Quản lý nợ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12-02-2019 và các lời khai tiếp theo; nguyên đơn chị Lâm Thị Mộng T trình bày:

- Hôn nhân: Chị T và anh K tự nguyện chung sống vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm nên thường cãi nhau. Tháng 12/2018, chị T nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng muốn đoàn tụ nên đã rút đơn kiện. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh K.

- Con chung: Vợ chồng có 02 con tên Lê Lâm Thúy K2, sinh ngày 10-12-2000 và Lê Hữu N, sinh ngày 11-5-2002; con theo ai người đó nuôi, không cấp dưỡng.

- Tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung ngày 06-3-2019; biên bản lấy lời khai; biên bản hòa giải; bị đơn anh Lê Văn K trình bày:

- Hôn nhân: Anh K thừa nhận lời trình bày của chị T về hôn nhân. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Nay anh không còn tình cảm với chị T nên đồng ý ly hôn.

- Con chung: Anh yêu cầu nuôi con chung Lê Hữu N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Con chung Lê Lâm Thúy K2 trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- Tài sản chung, nợ chung: Anh K yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung như sau:

1. Phần đất mua năm 2011, diện tích 371,1 m², thuộc Thửa 905, 906, 908, 909; Tờ bản đồ số 10; tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh; do vợ chồng mua của cha mẹ vợ là ông Lâm Văn K3, bà Trần Thị L; có giấy tay sang nhượng với giá 73.000.000 đồng; chị T tự ý làm giấy tờ đứng tên đất.

2. Quán cà phê G; tọa lạc khu phố 1, thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và toàn bộ vật dụng sử dụng để kinh doanh mua bán trong quán; sang nhượng của anh Ngô Quốc H; chị T đang quản lý buôn bán. Anh K yêu cầu định giá chia đôi.

- Nợ chung gồm:

+ Nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần S – chi nhánh Tây Ninh số tiền 50.000.000 đồng; anh K đã trả vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi 772.603 đồng cho Ngân hàng xong.

+ Nợ của anh Tô B số tiền 25.000.000 đồng mua phân bón.

Anh K yêu cầu chia đôi số nợ của Ngân hàng; riêng số nợ của anh Tô B; anh K, chị T và anh Bạch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn yêu cầu độc lập, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải; người đại theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S trình bày:

Đối với số tiền vay, anh Lê Văn K đã trả 50.772.603 đồng (vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi 772.603 đồng) cho Ngân hàng TMCP S nên ngân hàng đã rút yêu cầu khởi kiện đối với anh K, chị T.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 213, 219 của Bộ luật Dân sự; Điều 33, 34, 38, 59, 62 của Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Hôn nhân: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Lâm Thị Mộng T đối với anh Lê Văn K.

2. Tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của anh Lê Văn K đối với chị Lâm Thị Mộng T.

Chị Lâm Thị Mộng T được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản sau:

- Phần đất diện tích 371 m², Thửa số 905, 906, 908, 909; Tờ bản đồ số 10; tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ vào sổ: CH01046/000448/TA/VP ngày 09-3-2012; do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp cho chị Lâm Thị Mộng T. Trị giá 175.000.000 (một trăm, bảy mươi lăm triệu) đồng;

- 01 (một) quán cà phê và toàn bộ vật dụng trên quán cà phê tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; trị giá 286.038.660 đồng, gồm:

- + 01 (một) căn nhà cấp 4 (tường gạch bê, nền gạch men, mái tole lạnh, cửa kính) diện tích ngang 04m x dài 10,8m và 01 (một) mái che (giáp nhà cấp 4 về hướng Tây, mái tole, nền xi măng, 04 cây cột sắt có đường kính 07cm) diện tích ngang 4,1m x dài 10,8m;

- + 01 (một) phòng pha chế nước giải khát (tường gạch bê, nền gạch men, mái tole lạnh, không cửa ra vào) diện tích ngang 3,2m x dài 7,5m và 01 (một) mái che (mái tole, 02 cây cột sắt tròn đường kính 07cm) chiều ngang 0,95m x dài 7,5m;

- + 01 (một) nhà vệ sinh (tường gạch bê, nền gạch men, mái tole) diện tích ngang 3,2m x dài 3,85 m;

- + 01 (một) mái che (giáp vỉa hè, mái tole, nền xi măng, 03 (ba) cây cột sắt tròn đường kính 07cm) diện tích ngang 4m x dài 6m + 01 mái che (giáp vỉa hè, mái tole, nền xi măng, 04 cây cột sắt tròn đường kính 07cm) diện tích ngang 9m x dài 6m;

- + 01 (một) mái che (giáp nhà cấp 4 về hướng Nam, mái tole, nền gạch tàu, 12 cột sắt tròn đường kính 07cm) diện tích ngang 3,7m x dài 14,8m;

- + 01 (một) mái che (mái lợp lá dừa nước, nền gạch men, 01 (một) cột sắt tròn đường kính 07cm và 08 (tám) cột sắt hình chữ nhật 04cm x 06cm) diện tích ngang 6,6m x dài 5,9m;

- + 01 (một) mái che (mái lợp lá dừa nước, nền xi măng, 08 (tám) cột sắt tròn đường kính 07cm) diện tích ngang 9,2m x dài 5,1m;

- + 01 (một) hàng rào bằng sắt có diện tích ngang 8,3m x cao 02m và 01 (một) cổng sắt có diện tích ngang 3,6m x cao 2m;

- + 01 (một) nền gạch lát vỉa hè có diện tích ngang 14,4m x dài 3,2m;

- + 01 (một) hàng rào xây bằng gạch thẻ, gạch ống có đoạn tô có đoạn không tô về hướng Tây;

- + 121 (một trăm hai mươi một) ghế nhựa có tựa lưng {trong đó bị hư hỏng không còn sử dụng 17 ghế, còn lại 104 ghế đang sử dụng, (trong 104 ghế thì có 32 ghế khác chủng loại và 72 ghế cùng chủng loại)}.

- + 42 (bốn mươi hai) cái bàn chân sắt, mặt bàn đá hoa cương, trong đó có 02 cái bàn không còn sử dụng, 40 cái bàn đang sử dụng;

- + 01 (một) máy vi tính nhãn hiệu Samsung;

- + 01 (một) dàn âm ly gồm 01 âm ly và 04 loa;

- + 06 (sáu) quạt treo tường (có 03 cái không đảo) và 03 quạt đứng hiệu Lifan;
- + 01 (một) tivi nhãn hiệu Samsung 42 inch;
- + 01 (một) bồn chứa nước 1000m³ bằng Inox, có chân đế;
- + 01 (một) giếng khoang sâu 22m;
- + 01 (một) máy lạnh nhãn hiệu Toshiba 01 ngựa;
- + 02 (hai) máy motor (01 cái 01 ngựa, 01 cái 0,5 ngựa);
- + 01 (một) đường điện thấp sáng;
- + 01 (một) máy phát điện nhãn hiệu Mitsubishi;
- + 02 (hai) bộ đồ chơi cho trẻ em;
- + 03 (ba) cây Lộc Vừng và 01 (một) cây Xanh.

Chị T có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Lê Văn K phần giá trị tài sản được chia số tiền 230.519.000(hai trăm ba mươi triệu, năm trăm mười chín nghìn) đồng.

3. Nợ chung: Chị Lâm Thị Mộng T có nghĩa vụ trả cho anh Lê Văn K số tiền 25.386.000 (hai mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn) đồng; ½ số nợ Ngân hàng TMCP S- chi nhánh tỉnh Tây Ninh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S- chi nhánh tỉnh Tây Ninh đối với chị T, anh K.

Bản án tuyên chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13-01-2020, chị T kháng cáo cho rằng quyền sử dụng đất diện tích 436,1 m² là tài sản riêng cha mẹ chị cho riêng không phải là tài sản chung; chị không đồng ý chia đất và không chia quán cà phê.

Tại phiên tòa, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý chia Thửa đất 184, Tờ bản đồ số 35, diện tích 436,1 m²; tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH01046/000448/TA/VP ngày 09-3-2012; do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp cho chị Lâm Thị Mộng T. Đối với quán cà phê và tài sản sử dụng trong quán cà phê, chị xác nhận do chị và anh K cùng tạo ra, nhưng chị có góp hụi và đã lĩnh hụi với số tiền gần 200.000.000 đồng đưa cho anh K trả nợ ngân hàng và sửa quán cà phê; do đó chị không đồng ý chia tài sản theo yêu cầu của anh K.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa ý kiến:*

+ Tổ tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của pháp luật.

+ Nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, anh K và chị T xác định đất tranh chấp Thửa 184, Tờ bản đồ số 35, diện tích 436,1 m²; đất tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ vào sổ CH01046/000448/TA/VP ngày 09-3-2012; do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp cho chị Lâm Thị Mộng T.

[2.2] Nguồn gốc đất tranh chấp: Các bên thống nhất do nhận sang nhượng của ông Lâm Văn K3, bà Trần Thị L (cha mẹ đẻ của chị T); có giấy bán đất lập ngày 20-11-2011 đều được các bên thừa nhận. Tuy nhiên chị T cho rằng ông K3, bà L lập giấy bán đất này nhằm mục đích để anh, chị em của chị T không phân bì; thực tế phần đất này là tài sản riêng của chị được bà L, ông K3 tặng cho theo Hợp đồng tặng cho ngày 16-02-2012. Tuy nhiên theo Giấy bán đất lập ngày 20-11-2011 đã thể hiện nội dung mua bán đất cụ thể số tiền mua bán 73.000.000 đồng, diện tích đất, tứ cận; ông K3 và bà L đã nhận trước số tiền 68.000.000 đồng; còn số tiền 5.000.000 đồng đến tháng 02-2012 sẽ chuyển quyền sử dụng đất và trả đủ. Do đó có cơ sở xác định đất tranh chấp Thửa 184, Tờ bản đồ số 35, diện tích 436,1m²; đất tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ vào sổ CH01046/000448/TA/VP ngày 09-3-2012; do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp cho chị Lâm Thị Mộng T là tài sản chung của anh K, bà T trong thời kỳ hôn nhân. Giá trị tài sản được định giá 175.000.000 đồng.

[2.3] Đối với quán cà phê có tên G xây dựng trên Thửa 30, Tờ bản đồ 33, diện tích 480,5 m²; tọa lạc khu phố 1, thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và những tài sản là vật dụng sử dụng trong quán như bàn, ghế...; do anh K nhận sang nhượng quán của anh Nguyễn Quốc H; theo giấy chuyển nhượng lập ngày 29-7-2017; do anh H thuê đất của bà Võ Thị H2; theo Hợp đồng thuê đất lập ngày 12-12-2016; qua xem xét thẩm định tại chỗ trên đất có tài sản sau:

- + Nhà cấp 4: Diện tích 4,1 mét x 10,8 mét; tường gạch bê, nền gạch men, mái tole lạnh, cửa kính; mái che giáp nhà cấp 4 hướng Tây, mái tole, nền xi măng, 04 cột sắt có đường kính 07 cm;

- + 01 phòng pha chế nước giải khát: Diện tích 3,2 mét x 7,5 mét; tường gạch bê, nền gạch men, mái tole lạnh, không cửa ra vào;

- + 01 mái che lợp tole, 02 cột sắt tròn đường kính 07cm; diện tích 0,95mét x 7,5mét;

- + 01 nhà vệ sinh: Diện tích 3,2mét x 3,85 mét; tường gạch bê, nền gạch men, mái tole;

- + 01 mái che giáp vỉa hè: Diện tích 04mét x 06mét; mái tole, nền xi măng, 03 cột sắt tròn đường kính 07cm;

- + 01 mái che giáp vỉa hè: Diện tích 09mét x 06mét; mái tole, nền xi măng, 04 cột sắt tròn đường kính 07cm;

- + 01 mái che giáp nhà cấp 4 hướng Nam: Diện tích 3,7mét x 14,8mét; mái tole, nền gạch tàu, 12 cột sắt tròn đường kính 07cm;

- + 01mái che mái lợp lá dừa nước: Diện tích 6,6mét x 5,9mét; nền gạch men, 01 cột sắt tròn đường kính 07cm x 08cm; cột sắt hình chữ nhật 04cm x 06cm;

- + 01 mái che mái lợp lá dừa nước: Diện tích 9,2mét x 5,1mét; nền xi măng, 08 cột sắt tròn đường kính 07cm

+ Hàng rào sắt diện tích 8,3mét,cao 02mét; 01 cổng sắt diện tích 3,6mét, cao 02mét;

+ 01 nền gạch lát vỉa hè: Diện tích 14,4mét x 3,2mét;

+ Hàng rào xây gạch thẻ, gạch ống; có đoạn tô, đoạn không tô hướng Tây;

Những vật dụng khác sử dụng trong quán cà phê gồm:

+ 121 ghế nhựa có tựa lưng (17 ghế không còn sử dụng, 104 ghế đang sử dụng; 32 ghế khác loại; 72 ghế cùng loại).

+ 42 cái bàn chân sắt, mặt bàn đá hoa cương(02 cái không sử dụng được,40 cái đang sử dụng);

+ 01 máy vi tính hiệu Samsung;

+ 01 dàn âm ly gồm 01 âm ly và 04 loa;

+ 06 quạt treo tường (có 03 cái không đảo) và 03 quạt đứng hiệu Lifan;

+ 01 tivi hiệu Samsung 42 inch;

+ 01 bồn chứa nước 1000m³ inox, có chân đế;

+ 01 giếng khoang sâu 22mét;

+ 01 máy lạnh hiệu Toshiba 01 ngựa;

+ 02 máy motor (01 cái 01 ngựa, 01 cái 0,5 ngựa);

+ 01 đường điện thấp sáng;

+ 01 máy phát điện hiệu Mitsubishi;

+ 02 bộ đồ chơi cho trẻ em;

+ 03 cây Lộc Vừng và 01 cây Xanh.

Các bên thống nhất là tài sản chung; do đó cấp sơ thẩm xác định tài sản chung của anh K, chị T trong thời kỳ hôn nhân là đúng. Giá trị tài sản được định giá 286.038.660 đồng. Tuy nhiên chị T không đồng ý chia tài sản này.

[2.4] Tổng giá trị tài sản chung tranh chấp 461.038.660 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã chia đôi giá trị tài sản chung, anh K được chia số tiền 230.519.000 đồng, chị T được chia số tiền 230.519.000 đồng; do anh K có yêu cầu được nhận giá trị tài sản và giao hiện vật cho chị T sở hữu; do đó cấp sơ thẩm buộc chị T có nghĩa vụ thanh toán cho anh K số tiền 230.519.000 đồng và giao hiện vật có giá trị 230.519.000 đồng cho chị T là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Chị T kháng cáo cho rằng Thừa đất 184, Tờ bản đồ 35, diện tích 436.1m²; tọa lạc ấp Long Châu, xã Long Vĩnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh là tài sản riêng không đồng ý chia, nhưng không chứng minh được nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo. Đối với tài sản là quán cà phê và những vật dụng sử dụng bên trong quán cà phê như nhà cấp 4, nhà pha chế, bàn, ghế....; do vợ chồng cùng tạo ra; chị T không đồng ý chia là không phù hợp quy định của pháp luật; nên không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Tuy nhiên theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: CH01046 000448/TA/VP ngày 09-3-2012; do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp cho chị Lâm Thị Mộng T. Qua xác minh, cán bộ địa chính xã Long Vĩnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã xác định:

[4.1] Thừa 184, Tờ bản đồ số 35, diện tích 436,1m²; đất tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: CH01046/000448/TA/VP ngày 09-3-2012 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp cho chị Lâm Thị Mộng T; được cắt từ 1 phần diện tích của các

Thửa 905, 906, 908, 909; Tờ bản đồ số 10; thuộc Bản đồ lưới năm 1985; với tổng diện tích 371,1m²; đất tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 1567.QSĐĐ/650/2001/QĐ-UB ngày 01-11-2001; do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Lâm Văn K3; theo bản đồ lưới năm 2000 thửa 182, 183, 47, diện tích 436,1m². Diện tích có chênh lệch 65,1m² đất do thay đổi hệ thống bản đồ lưới.

[4.2] Nhưng cấp sơ thẩm xác định tài sản tranh chấp diện tích 371,1m² thuộc các Thửa 905, 906, 908, 909; Tờ bản đồ số 10; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: CH01046/000448/TA/VP ngày 09-3-2012; do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp cho chị Lâm Thị Mộng T là chưa chính xác, cần điều chỉnh trong phần quyết định của bản án.

[5] Các quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; chị T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Lâm Thị Mộng T.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 01/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 213, 219 của Bộ luật Dân sự; Điều 33, 34, 38, 59, 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Đình chỉ yêu cầu về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” của chị Lâm Thị Mộng T đối với anh Lê Văn K.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của anh Lê Văn K đối với chị Lâm Thị Mộng T.

Chị Lâm Thị Mộng T được quyền sở hữu những tài sản sau:

+ Quyền sử dụng đất Thửa 184, Tờ bản đồ số 35, diện tích 436,1 m²; đất tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: CH01046/000448/TA/VP ngày 09-3-2012 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp cho chị Lâm Thị Mộng T;

+ Một (01) quán cà phê tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, gồm: 01 nhà cấp 4 tường gạch bê, nền gạch men, mái tole lạnh, cửa kính; diện tích 04 mét x 10,8 mét; 01 mái che giáp nhà cấp 4 hướng Tây, mái tole, nền xi măng, 04 cột sắt đường kính 07cm, diện tích 4,1 mét x 10,8 mét; 01 phòng pha chế nước giải khát tường gạch bê, nền gạch men, mái tole lạnh, không cửa ra vào, diện tích 3,2 mét x 7,5 mét; 01 mái che mái tole, 02 cột sắt tròn đường kính 07cm, diện tích 0,95 mét x 7,5m; 01 nhà vệ sinh tường gạch bê, nền gạch men, mái tole, diện tích 3,2 mét x 3,85 mét; 01 mái che giáp vỉa hè, mái tole, nền xi măng, 03 cột sắt tròn đường kính 07cm, diện tích 4 mét x 6 mét; 01 mái che giáp vỉa hè, mái tole, nền xi

mãng, 04 cột sắt tròn đường kính 07cm, diện tích 09mét x 06mét; 01 mái che giáp nhà cấp 4 về hướng Nam, mái tole, nền gạch tàu, 12 cột sắt tròn đường kính 07cm, diện tích 3,7mét x 14,8mét; 01 mái che lợp lá dừa nước, nền gạch men, cột sắt tròn đường kính 07cm và 08 cột sắt hình chữ nhật 04cm x 06cm, diện tích 6,6mét x 5,9mét; 01 mái che lợp lá dừa nước, nền xi măng, 08 cột sắt tròn đường kính 07cm, diện tích 9,2mét x 5,1mét; hàng rào sắt diện tích 8,3mét, cao 02 mét; 01 cổng sắt diện tích 3,6mét, cao 02mét; 01 nền gạch lát vỉa hè diện tích 14,4 mét x 3,2 mét; hàng rào xây gạch thẻ, gạch ống, đoạn tô, đoạn không tô hướng Tây;

+ 121 (một trăm hai mươi mốt) ghế nhựa có tựa lưng (17 ghế không sử dụng được, 104 ghế sử dụng được, có 32 ghế cùng loại và 72 ghế cùng loại).

+ 42 (bốn mươi hai) cái bàn có chân sắt, mặt bàn đá hoa cương (02 cái không sử dụng được, 40 cái đang sử dụng);

+ 01 (một) máy vi tính hiệu Samsung;

+ 01 (một) dàn âm ly gồm 01 âm ly và 04 loa;

+ 06 (sáu) quạt treo tường (có 03 cái không đảo) và 03 quạt đứng hiệu Lifan;

+ 01 (một) tivi hiệu Samsung 42 inch;

+ 01 (một) bồn chứa nước 1000m³ Inox, có chân đế;

+ 01 (một) giếng khoang sâu 22mét;

+ 01 (một) máy lạnh hiệu Toshiba 01 ngựa;

+ 02 (hai) máy motor (01 cái 01 ngựa, 01 cái 0,5 ngựa);

+ 01 (một) đường điện thấp sáng;

+ 01 (một) máy phát điện hiệu Mitsubishi;

+ 02 (hai) bộ đồ chơi cho trẻ em;

+ 03 (ba) cây Lộc Vừng và 01 (một) cây Xanh.

Chị Lê Thị Mộng T có nghĩa vụ thanh toán cho anh Lê Văn K giá trị tài sản được chia số tiền 230.519.000 (hai trăm ba mươi triệu, năm trăm mười chín nghìn) đồng.

3. Nợ chung: Chị Lâm Thị Mộng T có nghĩa vụ trả cho anh Lê Văn K số tiền 25.386.000 (hai mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S - chi nhánh tỉnh Tây Ninh đối với chị Lâm Thị Mộng T và anh Lê Văn K.

5. Án phí sơ thẩm: Hoàn trả cho chị Lâm Thị Mộng T số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị Lâm Thị Mộng T phải chịu số tiền 11.526.000 (mười một triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn) đồng án phí chia tài sản; khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu số 0019436 ngày 12-02-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; còn phải nộp tiếp số tiền 11.226.000 (mười một triệu, hai trăm hai mươi sáu nghìn) đồng. Anh Lê Văn K phải chịu số tiền 11.526.000 (mười một triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn) đồng; khấu trừ số tiền 13.860.000 (mười ba triệu, tám trăm sáu mươi nghìn) đồng, theo Biên lai thu số 0019587 ngày 19/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; hoàn trả cho anh K số tiền 2.334.000 (hai triệu, ba trăm ba mươi bốn nghìn) đồng. Hoàn

trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 1.270.000 (một triệu, hai trăm bảy mươi nghìn) đồng, theo Biên lai thu số 0019970 ngày 21/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

6. Chi phí đo đạc định giá: Chị Lâm Thị Mộng T có nghĩa vụ thanh toán cho anh Lê Văn K số tiền 1.800.000 (một triệu, tám trăm nghìn) đồng.

7. Án phí phúc thẩm: Chị Lâm Thị Mộng T phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu số: 0006654 ngày 13-01-2020 của Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; ghi nhận chị T nộp xong.

Kể từ ngày anh Lê Văn K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lâm Thị Mộng T chưa thi hành số tiền trên phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADSH. huyện C;
- TAND huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Minh Châu